

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DS-PT

Ngày 25/11/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng gia công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến;
Ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TL-DSPT ngày 19 tháng 10 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng gia công”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K’ Rông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2020. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Q - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thu T- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Văn Q và bị đơn ông Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày:

Vào năm 2015, ông Q làm nhà tại thôn N, xã N1, huyện K. Ngày 15/4/2015, ông Q có ký hợp đồng thuê khoán với ông Nguyễn Minh T về việc giao khoán cho ông T thi công phần mộc làm cửa chính, cửa sổ, toàn bộ số tiền công, quy cách, khối

lượng thực hiện được ghi trong hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng ông T đã thực hiện làm 22 bộ cửa và được ông Q trả tiền công. Ông Q còn nợ của ông T tiền công là 1.500.000 đồng.

Tuy nhiên, đến khi vào bộ cửa chính (cửa phòng khách) thì ông T đã cố tình làm hư hỏng, do đó hai bên có xảy ra xô sát với nhau thì được công an xã N1 mời hai bên lên làm việc. Tại buổi làm việc giữa ông Q và ông T đã thỏa thuận ông T có trách nhiệm khắc phục những phần có thể khắc phục được, phần nào không khắc phục được thì ông T phải có trách nhiệm bồi thường gỗ cùng loại với loại gỗ mà gia đình ông Q giao cho ông T làm. Tuy nhiên, ông T không thực hiện như đã thỏa thuận, nên ông Q làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh T phải bồi thường bộ cửa chính với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền gỗ là 20.400.000 đồng; tiền bản lề: 500.000 đồng; tiền PU, giấy nhám: 1.000.000 đồng; tiền công thợ mộc là 3.150.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 27/8/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Q thay đổi về mức bồi thường đối với bộ cửa chính yêu cầu ông T phải bồi thường tổng số tiền là 14.512.000 đồng, trong đó tiền gỗ: 9.862.800 đồng; tiền bản lề: 500.000 đồng; tiền PU, giấy nhám: 1.000.000 đồng; tiền công thợ mộc là 3.150.000 đồng.

Ngoài ra ông Q còn thuê ông T làm lan can trên gác lửng, phần gỗ do ông Q cung cấp và trả tiền công thợ mộc cho ông T. Do ông T làm không đúng quy cách, lan can các mối nối bị hở không ăn khớp với nhau, tay vịn bị hụt khoảng 20cm. do đó, đến ngày 12/02/2020, ông Q làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông T phải có trách nhiệm bồi thường bộ lan can của gác lửng với tổng số tiền là 9.576.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông Q thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu ông T phải bồi thường số tiền 5.976.000 đồng, trong đó tiền gỗ là 4.476.000 đồng, tiền PU, giấy nhám, ốc vít, dầu bóng 1.500.000 đồng. Tổng cộng toàn bộ ông Q yêu cầu ông T phải bồi thường là 20.488.000 đồng.

Ông Q cho rằng ông T cố ý khắc hai vết khắc vào bộ cửa chính của gia đình ông theo thước Lỗ Ban thì phạm vào hai chữ “Ly hương” và “Tử biệt” khiến gia đình ông Q không phát triển được kinh tế, làm ăn không thuận lợi, gây tâm lý hoang mang cho gia đình ông.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông T thừa nhận vào ngày 15/4/2015 ông có ký hợp đồng thuê khoán với ông Lê Văn Q, nội dung như ông Q trình bày trên là đúng. Ông T chịu trách nhiệm thi công đúng thời hạn, đúng chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật theo hồ sơ thiết kế. Ông T đã thực hiện theo đúng kỹ thuật cũng như thời gian hoàn thành công việc mà hai bên đã thỏa thuận.

Tuy nhiên, khi lắp bộ cửa chính (cửa phòng khách) thì cánh cửa bên trái hướng từ ngoài vào bị lẹm vào 1mm x 10mm, cánh cửa có hai dấu khắc trên là do lỗi kỹ thuật trong quá trình làm, chứ ông T không cố tình yểm bùa lên cửa nhà ông Q. Ông T thừa nhận có một phần lỗi của ông trong quá trình thi công bộ cửa chính, làm mất thẩm mỹ của bộ cửa.

Đối với lan can trên gác lửng khi ông Q hợp đồng với ông T (hợp đồng miệng), thì ông T yêu cầu ông Q phải cung cấp gỗ đúng quy cách dài 2m, dày 7cm, rộng 20cm phải có 04 cây có kích thước như vậy thì ông T mới thực hiện được. Tuy nhiên, ông Q không cung cấp được số lượng gỗ như ông T yêu cầu mà cung cấp được 02 cây xà gỗ loại rộng 10cm, dày 5cm dài 4m, đồng thời lấy thêm gỗ ngoài vườn và chuồng heo vào để làm, ông Q nói làm tạm dùng trong tết rồi qua năm mua gỗ khác để làm lại.

Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu ông T phải bồi thường bộ cửa chính là 14.512.000 đồng, thì ông T không chấp nhận, ông chỉ chấp nhận khắc phục phần lỗi tại bộ cửa chính vì lỗi này có thể khắc phục được, còn đối với lan can trên gác lửng ông Q yêu cầu bồi thường 5.976.000đ, việc này ông T không có lỗi nên không chấp nhận bồi thường.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K'Rông Nô đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải bồi thường cho ông Lê Văn Q giá trị lan can gác lửng bị hư hỏng với số tiền là 5.976.000 đồng, trong đó tiền gỗ 4.476.000 đồng, tiền Pu, giấy nhám, ốc vít, dầu bóng 1.500.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải bồi thường cho ông Lê Văn Q $\frac{1}{2}$ giá trị của bộ cửa chính là 5.681.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Q đối với giá trị bộ cửa chính với số tiền 8.831.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định và định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2020, nguyên đơn ông Lê Văn Q làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại đối với yêu cầu bồi thường bộ cửa chính.

Ngày 28/9/2020, bị đơn ông Nguyễn Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận bồi thường bộ cửa chính và phần lan can gác lửng đồng thời yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Lê Văn Q phải thanh toán tổng số tiền ông Q còn nợ ông T là 11.300.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, ông đề nghị ông T phải bồi thường giá trị bộ cửa chính và phần lan can gác lửng bị hư hỏng không sử dụng được, đồng thời yêu cầu ông T phải tháo dỡ phần lan can gác lửng và bộ cửa chính ra khỏi vị trí căn nhà của gia đình ông Q, giao cho ông T được toàn quyền sở hữu, để gia đình ông mua gỗ về làm lại.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai như trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm. Ông T cho rằng ông Q còn nợ tiền công làm bàn thờ là

1.000.000đ; khung chống trộm 4.500.000đ; 03 khung ngoại đã làm nhưng không sử dụng là 1.300.000đ; tiền công cửa chính còn lại 1.500.000đ; tiền trong hợp đồng 3.000.000đ. Tổng cộng là 11.300.000đ, yêu cầu ông Q phải trả cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Q và bị đơn ông Nguyễn Minh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K'Rông Nô, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Q, ông Nguyễn Minh T, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn Q, ông Nguyễn Minh T làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Q đối với yêu cầu bồi thường toàn bộ cửa chính, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 4 của Hợp đồng đã ghi: Trách nhiệm của bên B (ông T) *“thi công đảm bảo chất lượng, kỹ, mỹ thuật theo hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và yêu cầu mỹ thuật của tư vấn giám sát; đảm bảo tiến độ hoàn thành 120 ngày”*. Ông T đã làm xong từ năm 2015 và tạm thời lắp ráp để chờ một thời gian cửa co rút mới lắp ráp chính thức. Đến năm 2019, ông T đến lắp ráp cửa, nhưng do bị lỗi kỹ thuật, nên cánh cửa bị lẹm và có hai vết khắc vào bộ cửa chính làm bộ cửa mất thẩm mỹ. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2020 thể hiện: Trên cánh cửa chính bên tay phải thể hiện 02 vết khắc, tính từ mép trên của cánh cửa kéo tới vết khắc thứ nhất dài 20,4 cm, từ mép trên của cánh cửa kéo tới vết khắc thứ hai dài 23,5cm. Đối với cánh cửa chính bên trong tay trái thể hiện tại vị trí ổ khoá, tính từ mép trên của ổ khoá đến đoạn hờ cao 0,8cm, từ mép dưới của ổ khoá đến đoạn hờ dưới cao 3,6cm. Khi khép hai cánh cửa chính lại thì bên cánh cửa chính bên phải có đoạn hờ dài 37cm, ở vị trí hờ to nhất dài 2,3cm (BL 84,85). Như vậy, đây là do lỗi kỹ thuật của ông T gây ra làm bộ cánh cửa chính mất thẩm mỹ, nhìn vào bản ảnh thấy rằng bộ cửa khó có thể khắc phục sửa chữa được. Cấp sơ thẩm nhận định ông Q có một phần lỗi, nhưng không nhận định ông Q có lỗi gì trong việc làm cánh cửa bị lỗi như trên, mà buộc ông Q phải chịu thiệt hại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản của

bộ cửa chính là chưa phù hợp, nên cần buộc ông T phải bồi thường cho ông Q giá trị bộ cửa chính là có căn cứ. Tuy nhiên, ông Q yêu cầu ông T phải bồi thường bộ cửa chính là 14.512.000 đồng và lan can gác lửng là 5.976.000 đồng là không có căn cứ, bởi lẽ: Căn cứ vào kết quả thẩm định giá tài sản thì bộ cửa đi có giá 9.862.800 đồng; bộ lan can gỗ có giá 4.476.000 đồng. Mức giá trên đã bao gồm hoá đơn bán hàng, gỗ và tiền gia công; chưa bao gồm chi phí lắp đặt và các phụ kiện kèm theo như: ổ khoá, khoá ... Toà án cấp sơ thẩm buộc ông T phải bồi thường thêm tiền Pu, giấy nhám, ốc vít, dầu bóng là không có căn cứ. Mặt khác, cấp sơ thẩm buộc ông T phải bồi thường cho ông Q $\frac{1}{2}$ giá trị bộ cửa chính và toàn bộ giá trị phần lan can, nhưng không tuyên giao $\frac{1}{2}$ bộ cửa chính và phần gỗ lan can gác lửng cho ông T được quyền sử dụng là có phần thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông T.

[2.2]. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T về bộ cửa chính là do lỗi kỹ thuật rất nhỏ có thể khắc phục được, Hội đồng xét xử xét thấy, như đã nhận định ở mục [2.1] nêu trên thì đây là do lỗi kỹ thuật của ông T gây ra làm bộ cánh cửa chính mất thẩm mỹ, khó có thể khắc phục sửa chữa được. Do đó, kháng của ông T đối với nội dung này là không có căn cứ.

[2.3]. Về phần lan can: Ông T cho rằng do ông Q đã gọi thợ mộc khác đến làm cầu thang, sau đó tháo lan can để làm lại nên mới bị hư hỏng, quá trình giải quyết và tại phiên toà phúc thẩm ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về nội dung này. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Q khẳng định phần lan can gác lửng gia đình ông chưa nghiệm thu, nên không có việc ông nhờ thợ khác đến sửa lại. Gia đình ông có nhờ ông Nguyễn Thanh M là người cùng thôn đến làm cầu thang mà thôi. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2010 thể hiện: Lan can có chiều dài 6,1m, từ nền nhà đến tay vịn trên cao 82cm, có 22 xúc tiện cao 06cm, hai đầu trụ cao 98cm... Lan can không chắc chắn, các mối nối bị hở, tay vịn bị hụt 18cm, khúc tiện số 22 bị bung ra (BL 84,85). Biên bản có chữ ký của các thành viên tham gia và các bên đương sự, tại buổi thẩm định ông T có mặt nhưng cũng không có ý gì về nguyên nhân lan can bị hỏng, nên không có căn cứ cho rằng gia đình ông Q thuê thợ khác về làm hư hỏng phần lan can gác lửng như lời khai của ông T, nên không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông T phải bồi thường cho ông giá trị phần lan can gác lửng là 5.976.000đ trong đó có 1.500.000đ tiền Pu, giấy nhám, ốc vít, dầu bóng là không phù hợp với kết quả thẩm định giá ngày 10/8/2020. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông T đối với nội dung này, buộc ông T phải bồi thường cho ông Q 4.476.000đ là phù hợp.

[2.4]. Đối với tiền công: Ông T yêu cầu ông Lê Văn Q phải thanh toán cho ông T 11.300.000 đồng. Xét thấy, nội dung này trong quá trình giải quyết vụ án ông T không có đơn yêu cầu phản tố để cấp sơ thẩm giải quyết. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giải quyết, ông T có quyền khởi kiện ông Q để được giải quyết bằng vụ án dân sự khác, nên kháng cáo của ông T đối với nội dung này là

không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là chưa phù hợp.

[4]. Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Q và một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh T. Sửa bản án sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K'Rông Nô theo hướng như đã phân tích ở trên.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Lê Văn Q và ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Q và ông T mỗi người 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 547, Điều 550, Điều 551 của Bộ luật dân sự; Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Q và một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh T.

Sửa bản án sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện K'Rông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T.

1.1. Buộc ông Nguyễn Minh T phải bồi thường cho ông Lê Văn Q giá trị bộ cửa chính là 9.862.800 đồng và giá trị lan can gác lửng bị hư hỏng là 4.476.000 đồng. Tổng cộng toàn bộ ông T phải bồi thường cho ông Q là 14.338.800 đồng.

1.2. Ông Nguyễn Minh T được quyền sở hữu bộ cửa chính và phần gỗ làm lan can gác lửng căn nhà của ông Q. Khi ông T bồi thường đủ số tiền trên cho ông Q thì ông T có quyền tháo dỡ bộ cửa chính và phần lan can gỗ để ông Nguyễn Minh T được quyền sở hữu.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q đối với số tiền 6.149.200 đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lê Văn Q và ông Nguyễn Minh T mỗi người phải chịu 1.561.000 đồng. Do ông Q đã nộp tiền tạm ứng 3.122.000 đồng, nên ông T phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Lê Văn Q 1.561.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 716.940 đồng; Ông Lê Văn Q phải chịu 307.460 đồng, được khấu trừ vào số tiền 926.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001048 ngày 12/12/2019 và biên lai số 0002869 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông Lê Văn Q 618.540 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho Lê Văn Q và ông Nguyễn Minh T mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003085 ngày 24/9/2020 và biên lai số 0003091 ngày 28/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện K'Rông Nô;
- Chi cục THADS huyện K'Rông Nô;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký, đóng dấu*)

Phạm Thị Thông